TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** TỈNH NINH BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 09 tháng 3 năm 2018

Số: 35/2018/QĐST- HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2018 giữa:

***Nguyên đơn**: Chị Cầm Thị C1, sinh năm 1996.

HKTT: Thôn P, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Hiện trú tại nhà bà Quách Thị C3 (mẹ đẻ) tại thôn 4, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

***Bị đơn**: Anh Vũ Văn C2, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn P, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cầm Thị C1 và anh Vũ Văn C2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a.Về con chung: Chị C1 và anh C2 có một con chung là cháu Vũ Thị A, sinh ngày 22/10/2016. Khi ly hôn, giao cho anh C2 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Vũ Thị A. Chị C1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) kể từ tháng 3 năm

2018 đến khi cháu A trưởng thành. Chị C1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày anh C2 có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu chị C1 không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi xuất chậm trả quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

b.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C1 và anh C2 thống nhất tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

c.Án phí dân sự sơ thẩm:

-Án phí ly hôn: Chị C1, anh C2 thống nhất chị C1 nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật. Số tiền chị C1 phải nộp là 150.000đồng

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị C1 phải nộp 150.000đồng.

Tổng cộng số tiền án phí chị C1 phải nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000875 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.*)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **Thẩm phán**

- *TAND tỉnh NB (1).*
- *VKSND TP. Ninh Bình (3).*
- *CCTHADS TP. Ninh Bình (1).*
- *UBND xã N*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

Nguyễn Thị Bích Thủy